

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN THÀNH  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 78/2021/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 9 - 2021

(V/v: Tranh chấp Hôn nhân & Gia đình)

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Nhung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hữu Tường

2. Bà Nguyễn Thị Hà

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Bá Kiên - Thư ký tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa:**

Không tham gia.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án “Tranh chấp Hôn nhân & Gia đình” thụ lý số: 181/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2021/QĐST - HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 99/2021/QĐST - DS ngày 10/8/2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Chu Thị Đ - sinh năm 1993. (có mặt)

Địa chỉ nơi cư trú: xóm 10, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An

**- Bị đơn:** Anh Võ Thanh B - sinh năm 1988.

Địa chỉ nơi cư trú: xóm 10, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An (vắng mặt lần thứ

2).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Chu Thị Đ trình bày:* Chị và anh Võ Thanh B kết hôn vào ngày 24/7/2015 tại UBND xã Diễn Trường, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 02/2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính cách 2 bên không phù hợp, bất đồng quan điểm, anh B không chăm lo cuộc sống gia đình, thường xuyên có lời nói thô tục ảnh hưởng đến danh dự nhân phẩm của chị. Vợ chồng đã được gia đình và ban xóm hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 02/2019 đến nay không còn quan tâm, trách nhiệm gì với nhau nữa. Chị Đ xác định tình cảm đối với anh B không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho

được ly hôn anh B.

- Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là Võ Ngọc An N, sinh ngày 06/02/2016. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh B cấp dưỡng.

- Về tài sản: chị Chu Thị Đ không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn: anh Võ Thanh B quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh B vẫn không có mặt. Tòa án đã trực tiếp tổng đạt giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh B theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh B từ chối không nhận và không có mặt, vì vậy Tòa án không tiến hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và cũng không lấy lời khai của anh B được. Tuy nhiên qua biên bản xác minh tình trạng hôn nhân, con chung chưa thành niên nguyên nhân mâu thuẫn thì đúng như chị Đ trình bày.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa: Sau khi nghe ý kiến trình bày của chị Đ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**1. Về thủ tục tố tụng:** Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân & Gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh B có hộ khẩu thường trú tại xã Thọ Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An được quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, Nghệ An. Ngày 06/9/2021, Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự Quyết định xét xử và giấy triệu tập.

Tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 10/8/2021 chị Đ có mặt, anh B vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Để tiếp tục giải quyết vụ án, Tòa án tiếp tục tổng đạt các văn bản tố tụng phiên tòa lần thứ hai cho các bên đương sự tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay chị Đ có mặt, anh B tiếp tục vắng mặt không có lý do. Như vậy, anh B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

### **2. Về nội dung:**

[2.1] Về hôn nhân: Qua các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ cho thấy hôn nhân giữa anh chị Đ, anh B là hôn nhân hợp pháp, tuân thủ theo quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu xin ly hôn nguyên đơn cho rằng do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm, anh B không chăm lo cuộc sống gia đình, bỏ mặc vợ con khiến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Tại biên bản xác nhận nguyên nhân phát sinh tranh chấp của Hội liên hiệp phụ nữ xã Thọ Thành cho thấy lời khai của là sự thật. Quá trình hòa giải và tại phiên tòa chị Đ một mực cương quyết xin được ly hôn để sớm ổn định cuộc sống. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị Đ, anh B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn

cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân & Gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ.

[2.2] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án chị Đ có nguyện vọng yêu cầu Tòa án giữ nguyên hiện trạng về con chung bởi lẽ con chung hiện nay đang ở ổn định, con chung còn nhỏ chị không muốn thay đổi ảnh hưởng việc học tập, sinh hoạt của con, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị. Chị đề nghị Tòa xem xét nguyện vọng.

Xét tình hình thực tế từ khi chị Đ, anh B ly thân thì con đã ở cùng với chị bên ngoại, mẹ con chị có gia đình, người thân hỗ trợ trong việc nuôi dạy con; hơn nữa ngoài việc làm ruộng chị còn làm thêm nghề phụ có thu nhập từ 6.000.000 đồng - 7.000.000 đồng/tháng đủ điều kiện đảm bảo cho 2 mẹ con chị, vì vậy cần giữ nguyên hiện trạng để ổn định cuộc sống cũng như sinh hoạt của con chung tiếp tục giao con chung là cháu Võ Ngọc An N - sinh ngày 06/02/2016 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Đ chưa yêu cầu nên chưa xem xét.

[3] Về tài sản: Chị Đ không yêu cầu nên miễn xét.

[4] Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 điều 28; khoản 4 điều 207; Điều 227; 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điều 51, 56, 81, 82, 83 của luật Hôn Nhân và Gia đình;

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chu Thị Đ.

- **Về hôn nhân:** Cho chị Chu Thị Đ được ly hôn anh Võ Thanh B.

- **Về con chung:** Tiếp tục giao con chung là Võ Ngọc An Nhiên, sinh ngày 06/02/2016 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành.

Anh Võ Thanh B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- **Án phí:** Căn cứ vào khoản 4, điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điều 27 Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc chị Chu Thị Đ phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, án phí của chị Đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003021 ngày 13/7/2021.

Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại khoản điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận***

- VKS H.Yên Thành
- Các đương sự
- THA DS H.Yên Thành
- TAND tỉnh
- UBND xã (ĐKKH)
- Lưu hs, VP

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Lê Thị Nhung**